TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-4-2022
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chữ Cần

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Xẹt;

2. Ông Nguyễn Văn Thảo.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa*****:** Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 200/2021/TLST-HNGĐ ngày 30/11/2021 về việc "ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/02/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phạm Thành L sinh năm 1988; thường trú: khu 13, xã H, Hện H, tỉnh Ph; địa chỉ: nhà trọ Vũ Quang Chính, tổ 4, khu phố 2, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có mặt;

- *Bị đơn:* Bà Vương Thị T sinh năm 1988; thường trú: khu 13, xã H, Hện H, tỉnh Ph; địa chỉ: tổ 3, khu phố 3, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Phạm Thành L trình bày:*

Ông Phạm Thành L và bà Vương Thị T đăng ký kết hôn tại UBND xã H, Hện H, tỉnh Ph theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54 ngày 18/12/2009. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng

quan điểm sống, không thể hàn gắn, vợ chồng ít quan tâm đến nhau. Quá trình sinh sống, vợ chồng có xô xát lẫn nhau, sau đó các bên tự giải quyết không có sự can thiệp của chính quyền địa phương.

Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, bà T không còn chung sống với ông L từ hơn 03 năm và ông L dọn ra ở riêng tại tổ 3, khu phố 3, phường H, thị xã Tân Uyên, do đó mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông L yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông L yêu cầu được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Ông L giao con chung tên Phạm Ngọc H, sinh ngày 13/5/2010 cho bà Vương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về mức cấp dưỡng: Hiện nay công việc của ông L là chạy taxi thuê, thu nhập theo hình thức khoán, trung bình hàng tháng là từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Ông L đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phạm Ngọc H, sinh ngày 13/5/2010 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông L và bà T không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Vương Thị T trình bày:

Thống nhất với ông L về quan hệ hôn nhân. Đối với mâu thuẫn gia đình, bà T cho rằng xuất phát từ việc ông L không kiếm việc làm nhưng lại đánh bạc, ngoại tình và đánh chửi bà T, không quan tâm, chăm lo đến cuộc sống gia đình. Hiện vợ chồng không còn tình cảm, không còn chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2020. Bà T không đồng ý ly hôn với ông L vì vợ chồng bà T, ông L còn có số nợ chung 55.000.000 đồng vay của bà Vương Thị H, sinh 1993, địa chỉ: thôn Cây Thị, xã Tân Thanh, Hện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang là em ruột của bà T, số tiền này vay để chi phí cho nhu cầu thiết yếu trong gia đình và chăm lo, trị bệnh cho cháu H vì lúc đó ông L chưa có việc làm, thu nhập của bà T không đủ chi phí cho gia đình, số tiền vay này ông L biết. Do là chị em nên việc vay mượn không có lập các giấy tờ vay nên không thể cung cấp cho Tòa án. Bà T không yêu cầu đưa bà H vào người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để giải quyết trong vụ án, nếu ông L trả một nửa số tiền nợ nêu trên thì bà T đồng ý ly hôn, ngược lại thì bà T không đồng ý ly hôn. Việc trả số nợ chung nêu trên bà T sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ án khác. Trong trường hợp, Tòa án giải quyết ly hôn, bà T đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Ngọc H, sinh ngày 13/5/2010, yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Nhu cầu học hành và sinh hoạt hàng tháng của cháu H như sau: Tiền học thêm tiếng Anh 1.000.000 đồng/tháng, tiền xe đưa rước là 500.000 đồng/tháng, tiền học phí ở trường là 1.000.000 đồng/tháng, tiền học thêm là 500.000 đồng/tháng; chi phí khám, chữa mắt là 1.000.000 đồng/tháng; tiền ăn: 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thành L về việc ly hôn, ông Phạm Thành L được ly hôn với bà Vương Thị T, giao cháu Phạm Ngọc H nuôi dưỡng, buộc ông Phạm Thành L cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã Tân Uyên và nguyên đơn đề nghị TAND thị xã Tân Uyên giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thành L và bà Vương Thị T có đăng ký kết hôn tại đăng ký kết hôn tại UBND xã H, Hện H, tỉnh Ph theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54 ngày 18/12/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo ông L và bà T trình bày, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, có xảy ra xô xát đánh nhau, không còn tình cảm. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân và không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bản thân bà T từng nộp đơn xin ly hôn vào năm 2019 nhưng sau đó rút đơn nên được Tòa án đình chỉ theo Quyết định đình chỉ số 33/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019. Bà T không đồng ý ly hôn với ông L vì cho rằng còn nợ chung, yêu cầu ông L cùng trả, không phải xuất phát từ mong muốn đoàn tụ với ông L, cùng tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc. Tại phiên tòa, bà T mong muốn được đoàn tụ với ông L nhưng ông L không đồng ý vì đời sống hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; mặt khác bà T cũng không đưa ra được giải pháp nào để đoàn tụ với ông L, khi Kiểm sát viên tạo điều kiện cho bà T trình bày ý kiến, tHết phục ông L đoàn tụ thì bà T không trình bày. Điều này cho thấy giữa ông L và bà T không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của

nhau, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông L là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng ông L, bà T có 01 con chung tên Phạm Ngọc H, sinh ngày 13/5/2010. Hiện nay cháu H đang sống với bà T, tại bản tự khai cháu H cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Ông L đồng ý giao cháu H cho bà Vương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T cũng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H. Xét thấy, bà T có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H nên Hội đồng xét xử thấy cần giữ ổn định về chỗ ở để không ảnh hưởng tâm lý, sự phát triển bình thường của cháu. Xét thấy ý kiến của ông L là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho bà Vương Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng chung tên Phạm Ngọc H, sinh ngày 13/5/2010.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Vương Thị T yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 4.000.000 đồng. Tại phiên toà, nguyên đơn ông Phạm Thành L chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Xét thấy ý kiến của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp pháp luật, phù hợp thu nhập, khả năng thực tế của nguyên đơn là người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của cháu H là người được cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Thành L về việc cấp dưỡng cho con chung tên Phạm Ngọc H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Thành L phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thành L về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con với bị đơn bà Vương Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thành L được ly hôn với bà Vương Thị T.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc H, sinh ngày 13/5/2010 cho bà Vương Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Vương Thị T và ông Phạm Thành L đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phạm Thành L phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phạm Ngọc H mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), kể từ tháng 4/2022 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1 Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Thành L phải nộp số tiền 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005598 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

2.2 Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phạm Thành L phải nộp số tiền 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Phạm Thành L, bà Vương Thị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chữ Cần